TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 03 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **204**/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Danh Thị Hoàng T, sinh ngày 17/01/2006;

Địa chỉ: Số 179/3, đường K, Phường O, thành phố U, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Mai Thái B, sinh ngày 21/03/2002;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Danh Thị Hoàng T trình bày: Nguyên năm 2021, chị Danh Thị Hoàng T với anh Mai Thái B xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống vợ chồng; đến năm 2024 đăng ký kết hôn và và được UBND Phường O, thành phố U, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 07/02/2024. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 (theo Giấy khai sinh số 31 ngày

21/02/2024), hiện tại cháu Mai Quỳnh A chung sống với chị Danh Thị Hoàng T, do chị Danh Thị Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng; chị Danh Thị Hoàng T và anh Mai Thái B không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống và thường cải nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2024 cho đến nay.

Nay chị Danh Thị Hoàng T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Hoàng T xin được ly hôn với anh Mai Thái B.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu anh Mai Thái B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản hoà giải ngày 21/10/2024 và trong quá trình giải quyết bị đơn Mai Thái B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, không có tài sản chung, không nợ chung và không có người khác nợ vợ chồng thống nhất như chị Danh Thị Hoàng T trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nhiều nên chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu ly hôn thì anh Mai Thái B không đồng ý; anh Mai Thái B yêu cầu được đoàn tụ với chị Danh Thị Hoàng T. Về con chung: Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh Mai Thái B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) và yêu cầu chị Danh Thị Hoàng T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và không ý kiến khác, nên được xem nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Danh Thị Hoàng T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với bị đơn Mai Thái B; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi), yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Mai Thái B cư trú tại ấp Tắc Giồng, xã E, huyện W, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoạc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Danh Thị Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Mai Thái B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Nguyên đơn Danh Thị Hoàng T và bị đơn Mai Thái B kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND Phường O, thành phố U, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 07/02/2024, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Hoàng T với anh Mai Thái B là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và đã có con chung là Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022. Theo chị Danh Thị Hoàng T trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống và thường cải nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2024 cho đến nay. Ngược lại, theo anh Mai Thái B vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nhiều, không trầm trọng.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, chị Danh Thị Hoàng T hoặc chị Danh Thị Hoàng T cùng với anh Mai Thái B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 02/10/2024 chị Danh Thị Hoàng T tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Mai Thái B là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Nguyên đơn Danh Thị Hoàng T và bị đơn Mai Thái B đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất hòa nên đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2024; theo nguyên đơn Danh Thị Hoàng T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống và thường cải nhau đến mức không còn chung sống vợ chồng; theo bị đơn Mai Thái B mâu thuẫn không nhiều, không trầm trọng. Xét thấy, thời gian chung sống chị Danh Thị Hoàng T với anh Mai

Thái B có phát sinh mâu thuẫn, bất hoà và anh chị không còn chung sống vợ chồng từ năm 2024 đến nay, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái; nay chị Danh Thị Hoàng T cương quyết ly hôn với anh Mai Thái B. Do đó, theo chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu xin được ly hôn với anh Mai Thái B là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Về con chung, theo khoản 2 và 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*". Chị Danh Thị Hoàng T và anh Mai Thái B đều yêu cầu xin được nuôi con sau ly hôn. Xét thấy, cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022, tính đến ngày xét xử sơ thẩm dưới 36 tháng tuổi nên theo luật định được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con hoặc thỏa thuận giao con cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trên thực tế Mai Quỳnh A từ khi sinh ra, cũng như từ khi chị Danh Thị Hoàng T và anh Mai Thái B không còn chung sống thì chị Danh Thị Hoàng T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Mai Quỳnh A hiện được chị Danh Thị Hoàng T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, tình cảm gắn bó với chị Danh Thị Hoàng T, nếu giao con cho anh Mai Thái B trực tiếp nuôi sẽ làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, hiện tại chị Danh Thị Hoàng T đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Mai Quỳnh A cho chị Danh Thị Hoàng T trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Do vậy, theo chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con (chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình); theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" nên chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu anh Mai Thái B sau khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) là có cơ sở.

[6] Theo đơn khởi kiện, chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu anh Mai Thái B cấp dưỡng cho cháu Mai Quỳnh A mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về mức cấp dưỡng,

theo khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".* Đồng thời, theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Xét thấy, về mức cấp dưỡng các bên không thoả thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Mai Thái B và nhu cầu thiết yếu của cháu Mai Quỳnh A để quyết định cho phù hợp nhưng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng; mức cấp dưỡng chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu mỗi tháng 3.000.000 đồng; tại thời điểm xét xử sơ thẩm huyện W thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ mỗi tháng là 3.450.000 đồng. Tuy nhiên, anh Mai Thái B là người ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, có điều kiện kinh tế khó khăn, lao động phổ thông, có thu nhập thấp; theo chị Danh Thị Hoàng T yêu cầu anh Mai Thái B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là không cao so với nhu cầu thiết yếu của cháu Mai Quỳnh A nhưng quá khả năng thực tế của anh Mai Thái B. Do vậy, mức cấp dưỡng cần buộc anh Mai Thái B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Mai Quỳnh A mỗi tháng 1.725.000 đồng (một nửa tháng lương tối thiểu vùng) là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh Mai Thái B, có tình, có lý và có căn cứ pháp luật. Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, chị Danh Thị Hoàng T và anh Mai Thái B đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Mai Thái B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 132, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Danh Thị Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Danh Thị Hoàng T và anh Mai Thái B.

- Về con chung: Giao cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 cho chị Danh Thị Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Mai Thái B theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Mai Thái B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 mỗi tháng là 1.725.000 đồng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung là cháu Mai Quỳnh A, sinh ngày 13/8/2022 đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Danh Thị Hoàng T phải chịu 75.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004704 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng, chị Danh Thị Hoàng T được hoàn lại số tiền 225.000 đồng. Anh Mai Thái B phải nộp án phí hôn nhân gia đình 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm

2014, 2019 và 2022), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi